

Số: 25 /TTr-UBND

Hải Quang, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước
xã Hải Quang năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Hải Quang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Hải Quang về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hải Quang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ tình hình thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã khóa XXI, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Nhất, phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2025, cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước:	347.817.464.301 đồng
- Ngân sách xã:	146.501.525.293 đồng
<i>Trong đó:</i>	
1. Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất:	4.851.308.392 đồng
2. Thu tiền sử dụng đất:	5.406.953.750 đồng
3. Các khoản huy động, đóng góp:	1.450.751.600 đồng
3. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh:	23.658.000.000 đồng
4. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh:	104.455.085.108 đồng
5. Thu chuyển nguồn:	6.679.426.443 đồng
II. Tổng chi ngân sách nhà nước:	146.501.525.293 đồng
<i>Trong đó:</i>	
1. Chi đầu tư phát triển:	29.083.631.205 đồng

2. Chi thường xuyên: 107.392.075.067 đồng
3. Chi chuyển nguồn: 9.630.235.021 đồng
4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 395.584.000 đồng

(Chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- HĐND xã;
- Lưu: VP, Phòng KT.



Trần Đức Việt

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 25 /TTr-UBND ngày 19/03/2026 của UBND xã Hải Quang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH QT/DT	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG THU NSNN	86.296.000.000	146.501.525.293	60.205.525.293	169,77
I	Thu NSNN được hưởng theo phân cấp	10.871.000.000	11.709.013.742	838.013.742	107,71
1	Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất	2.359.000.000	4.851.308.392	2.492.308.392	205,65
2	Thu tiền sử dụng đất	8.512.000.000	5.406.953.750	-3.105.046.250	63,52
3	Các khoản huy động, đóng góp		1.450.751.600	1.450.751.600	
II	Thu chuyển giao ngân sách	75.425.000.000	128.113.085.108	52.688.085.108	169,85
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	23.658.000.000	23.658.000.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	51.767.000.000	104.455.085.108	52.688.085.108	201,78
III	Thu kết dư năm trước				
IV	Thu chuyển nguồn		6.679.426.443	6.679.426.443	
B	TỔNG CHI NSNN	86.296.000.000	146.501.525.293	60.205.525.293	169,77
I	Chi ngân sách theo lĩnh vực	86.296.000.000	136.475.706.272	50.179.706.272	158,15
1	Chi đầu tư phát triển	8.512.000.000	29.083.631.205	20.571.631.205	341,68
2	Chi thường xuyên	77.093.000.000	107.392.075.067	30.299.075.067	139,30
3	Dự phòng ngân sách	691.000.000		-691.000.000	0,00
II	Chi chuyển nguồn		9.630.235.021	9.630.235.021	
III	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		395.584.000	395.584.000	

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 25 /TTr-UBND ngày 19/03/2026 của UBND xã Hải Quang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH QT/DT (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN (A+B+C+D)	233.518.000.000	86.296.000.000	347.817.464.301	146.501.525.293	148,95	169,77
A	THU NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	158.093.000.000	10.871.000.000	213.024.952.750	11.709.013.742	134,75	107,71
I	Thu nội địa	158.093.000.000	10.871.000.000	211.574.201.150	10.258.262.142	133,83	94,36
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	20.000.000		20.530.264		102,65	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.942.000.000	194.000.000	3.888.591.324	472.844.868	132,18	243,73
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.155.000.000	809.000.000	3.260.398.522	2.218.486.684	282,29	274,23
4	Lệ phí trước bạ	2.611.000.000	708.000.000	3.807.342.244	1.305.703.313	145,82	184,42
5	Thu phí, lệ phí	106.000.000	106.000.000	311.262.210	137.946.210	293,64	130,14
-	Phí và lệ phí trung ương			173.316.000			
-	Phí và lệ phí xã, phường			137.946.210	137.946.210		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	74.000.000	51.000.000	81.633.233	56.694.223	110,32	111,17
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	155.000.000	61.000.000	127.447.892	26.908.109	82,22	44,11
8	Thu tiền sử dụng đất	150.600.000.000	8.512.000.000	194.037.455.000	5.406.953.750	128,84	63,52
9	Thu khác ngân sách	110.000.000	110.000.000	5.671.897.321	265.081.845	5156,27	240,98
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	320.000.000	320.000.000	367.643.140	367.643.140	114,89	114,89
II	Các khoản huy động, đóng góp			1.450.751.600	1.450.751.600		
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	75.425.000.000	75.425.000.000	128.113.085.108	128.113.085.108	169,85	169,85
I	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	23.658.000.000	23.658.000.000	23.658.000.000	23.658.000.000	100,00	100,00
II	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	51.767.000.000	51.767.000.000	104.455.085.108	104.455.085.108	201,78	201,78
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN			6.679.426.443	6.679.426.443		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 25 /TTr-UBND ngày 19/03/2026 của UBND xã Hải Quang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH QT/DT	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSNN (A+B+C)	86.296.000.000	146.501.525.293	60.205.525.293	169,77
A	CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	86.296.000.000	136.475.706.272	50.179.706.272	158,15
I	Chi đầu tư phát triển	8.512.000.000	29.083.631.205	20.571.631.205	341,68
1	Chi đầu tư cho các dự án	8.512.000.000	29.083.631.205	20.571.631.205	341,68
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.142.982.100	7.958.815.800	2.815.833.700	154,75
-	Chi y tế, dân số và gia đình		4.135.448.105	4.135.448.105	
-	Chi văn hóa thông tin		925.251.000	925.251.000	
-	Chi bảo vệ môi trường		120.222.000	120.222.000	
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.369.017.900	15.602.282.300	12.233.264.400	463,11
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		341.612.000	341.612.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			0	
II	Chi thường xuyên	77.093.000.000	107.392.075.067	30.299.075.067	139,30
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	50.297.000.000	52.928.550.000	2.631.550.000	105,23
-	Chi quốc phòng	1.002.000.000	1.522.229.095	520.229.095	151,92
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.985.260.000	1.936.090.950	-49.169.050	97,52
-	Chi y tế, dân số và gia đình	189.105.000	1.556.452.376	1.367.347.376	823,06
-	Chi văn hóa thông tin	269.000.000	440.875.600	171.875.600	163,89
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	155.906.000	392.378.200	236.472.200	251,68
-	Chi thể dục thể thao	18.200.000	62.600.000	44.400.000	343,96
-	Chi bảo vệ môi trường	273.268.000	752.844.430	479.576.430	275,5
-	Chi các hoạt động kinh tế	706.900.000	2.111.079.111	1.404.179.111	298,64
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	19.451.661.000	31.702.065.306	12.250.404.306	162,98
-	Chi bảo đảm xã hội	2.684.700.000	13.986.909.999	11.302.209.999	520,99
-	Chi thường xuyên khác	60.000.000		-60.000.000	0
III	Dự phòng ngân sách	691.000.000		-691.000.000	
B	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		395.584.000	395.584.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN		9.630.235.021	9.630.235.021	

Hải Quang, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Thực hiện các văn bản, hướng dẫn của cấp trên trong năm xã nhà đã hoàn thành tốt công tác sáp nhập 3 xã Hải Tây, Hải Quang và Hải Đông lấy tên là xã Hải Quang. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, kinh tế của xã vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức do diễn biến của thời tiết bão gió, thiên tai dịch bệnh.

Ngay từ đầu năm, thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy - HĐND - UBND của 3 xã Hải Tây, Hải Quang và Hải Đông (cũ) đã ban hành các Nghị quyết về phân bổ dự toán thu chi năm 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 để triển khai và thực hiện.

UBND xã đánh giá thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 như sau:

1. Thu ngân sách: Tổng thu NSNN là: 347.817 triệu đồng đạt 148,95% dự toán giao; Trong đó:

1.1. Thu từ kinh tế trên địa bàn là: 213.024 triệu đồng, đạt 134,75% so với dự toán giao, gồm chi tiết các khoản thu sau:

a. Các khoản thu đạt và vượt dự toán:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh (Thuế GTGT) là: 3.888 triệu đồng, đạt 132,18% dự toán giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: 3.260 triệu đồng, đạt 282,29% dự toán giao.

- Thu lệ phí trước bạ: 3.807 triệu đồng, đạt 145,82% dự toán giao.

- Thu phí, lệ phí: 311 triệu đồng, đạt 293,64% dự toán giao.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 81 triệu đồng, đạt 110,32% dự toán giao.

- Thu tiền sử dụng đất: 194.037 triệu đồng, đạt 128,84% dự toán giao.

- Thu khác ngân sách: 5.671 triệu đồng, đạt 5.156,27 % dự toán giao.

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: 367 triệu đồng, đạt 114,89% dự toán giao.

b. Các khoản thu chưa đạt dự toán:

- Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước: 127 triệu đồng, đạt 82,22% dự toán giao.

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 128.113 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh bổ sung cân đối 23.658 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu 104.455 triệu đồng

1.3. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang năm nay: 6.679,4 triệu đồng.

1.4. Thu kết dư ngân sách: 0 đồng.

2. Chi ngân sách. Chi ngân sách xã là: 146.501 triệu đồng đạt 169,77% dự toán giao.

Trong đó:

a, Chi đầu tư phát triển: 29.083 triệu đồng, đạt 341,68% dự toán giao.

b, Chi thường xuyên: 107.392 triệu đồng đạt 139,3% dự toán giao.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 52.928 triệu đồng đạt 105,23% dự toán giao.

+ Chi quốc phòng: 1.522 triệu đồng đạt 151,92% dự toán giao.

+ Chi an ninh trật tự đảm bảo xã hội: 1.936 triệu đồng đạt 97,52% dự toán giao.

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 1.556 triệu đồng đạt 823,06% dự toán giao.

+ Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 440 triệu đồng đạt 163,89% dự toán giao.

+ Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn: 392 triệu đồng đạt 251,68% dự toán giao.

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 62 triệu đồng đạt 343,96% dự toán giao.

+ Chi sự nghiệp môi trường: 752 triệu đồng đạt 275,5 dự toán giao

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 2.111 triệu đồng đạt 298,64% dự toán giao.

+ Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 31.702 triệu đồng đạt 162,98 dự toán giao.

+ Chi bảo đảm xã hội: 13.986 triệu đồng đạt 520,99% dự toán giao.

+ Chi nộp trả ngân sách cấp trên (Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 395,5 triệu đồng.

+ Chi chuyển nguồn: 9.630 triệu đồng (Bao gồm: Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi (1.669 trđ), Nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2.593 triệu đồng), Dự toán sau ngày 30/9/2025 (4.745 triệu đồng), Kinh phí thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (623 triệu đồng).

Chi ngân sách xã cơ bản đã đáp ứng được đầy đủ, kịp thời các khoản chi cho sinh phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể; chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề đảm bảo theo dự toán tỉnh giao; phân bổ dự toán các khoản kinh phí huyện, tỉnh bổ sung có mục tiêu đảm bảo kịp thời đúng đối tượng, mục đích.

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2025. Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Đức Việt

Số: /NQ-HĐND

Hải Quang, ngày tháng 03 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HẢI QUANG
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Hải Quang về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hải Quang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hải Quang về việc phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2025, cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước:	347.817.464.301 đồng
- Ngân sách xã:	146.501.525.293 đồng
<i>Trong đó:</i>	
1. Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất:	4.851.308.392 đồng
2. Thu tiền sử dụng đất:	5.406.953.750 đồng
3. Các khoản huy động, đóng góp:	1.450.751.600 đồng
4. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh:	23.658.000.000 đồng
5. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh:	104.455.085.108 đồng

6. Thu chuyển nguồn: 6.679.426.443 đồng

II. Tổng chi ngân sách nhà nước: 146.501.525.293 đồng

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 29.083.631.205 đồng

2. Chi thường xuyên: 107.392.075.067 đồng

3. Chi chuyển nguồn: 9.630.235.021 đồng

4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 395.584.000 đồng

(Chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hải Quang, khóa XXI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày tháng 03 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND xã, UBND xã;
- Như Điều 2;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Trang thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đình Trung

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /03/2026 của HĐND xã Hải Quang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH QT/DT	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(2/1)
A	TỔNG THU NSNN	86,296,000,000	146,501,525,293	60,205,525,293	169.77
I	Thu NSNN được hưởng theo phân cấp	10,871,000,000	11,709,013,742	838,013,742	107.71
1	Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất	2,359,000,000	4,851,308,392	2,492,308,392	205.65
2	Thu tiền sử dụng đất	8,512,000,000	5,406,953,750	-3,105,046,250	63.52
3	Các khoản huy động, đóng góp		1,450,751,600	1,450,751,600	
II	Thu chuyển giao ngân sách	75,425,000,000	128,113,085,108	52,688,085,108	169.85
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	23,658,000,000	23,658,000,000		100.00
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	51,767,000,000	104,455,085,108	52,688,085,108	201.78
III	Thu kết dư năm trước				
IV	Thu chuyển nguồn		6,679,426,443	6,679,426,443	
B	TỔNG CHI NSNN	86,296,000,000	146,501,525,293	60,205,525,293	169.77
I	Chi ngân sách theo lĩnh vực	86,296,000,000	136,475,706,272	50,179,706,272	158.15
1	Chi đầu tư phát triển	8,512,000,000	29,083,631,205	20,571,631,205	341.68
2	Chi thường xuyên	77,093,000,000	107,392,075,067	30,299,075,067	139.30
3	Dự phòng ngân sách	691,000,000		-691,000,000	0.00
II	Chi chuyển nguồn		9,630,235,021	9,630,235,021	
III	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		395,584,000	395,584,000	

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /03/2026 của HĐND xã Hải Quang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH QT/DT (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=(3/1)	6=(4/2)
	TỔNG THU NSNN (A+B+C+D)	233,518,000,000	86,296,000,000	347,817,464,301	146,501,525,293	148.95	169.77
A	THU NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	158,093,000,000	10,871,000,000	213,024,952,750	11,709,013,742	134.75	107.71
I	Thu nội địa	158,093,000,000	10,871,000,000	211,574,201,150	10,258,262,142	133.83	94.36
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	20,000,000		20,530,264		102.65	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2,942,000,000	194,000,000	3,888,591,324	472,844,868	132.18	243.73
3	Thuế thu nhập cá nhân	1,155,000,000	809,000,000	3,260,398,522	2,218,486,684	282.29	274.23
4	Lệ phí trước bạ	2,611,000,000	708,000,000	3,807,342,244	1,305,703,313	145.82	184.42
5	Thu phí, lệ phí	106,000,000	106,000,000	311,262,210	137,946,210	293.64	130.14
-	Phí và lệ phí trung ương			173,316,000			
-	Phí và lệ phí xã, phường			137,946,210	137,946,210		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	74,000,000	51,000,000	81,633,233	56,694,223	110.32	111.17
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	155,000,000	61,000,000	127,447,892	26,908,109	82.22	44.11
8	Thu tiền sử dụng đất	150,600,000,000	8,512,000,000	194,037,455,000	5,406,953,750	128.84	63.52
9	Thu khác ngân sách	110,000,000	110,000,000	5,671,897,321	265,081,845	5156.27	240.98
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	320,000,000	320,000,000	367,643,140	367,643,140	114.89	114.89
II	Các khoản huy động, đóng góp			1,450,751,600	1,450,751,600		
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	75,425,000,000	75,425,000,000	128,113,085,108	128,113,085,108	169.85	169.85
I	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	23,658,000,000	23,658,000,000	23,658,000,000	23,658,000,000	100.00	100.00
II	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	51,767,000,000	51,767,000,000	104,455,085,108	104,455,085,108	201.78	201.78
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN			6,679,426,443	6,679,426,443		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /03/2026 của HĐND xã Hải Quang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH QT/DT	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(2/1)
	TỔNG CHI NSNN (A+B+C)	86,296,000,000	146,501,525,293	60,205,525,293	169.77
A	CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	86,296,000,000	136,475,706,272	50,179,706,272	158.15
I	Chi đầu tư phát triển	8,512,000,000	29,083,631,205	20,571,631,205	341.68
1	Chi đầu tư cho các dự án	8,512,000,000	29,083,631,205	20,571,631,205	341.68
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5,142,982,100	7,958,815,800	2,815,833,700	154.75
-	Chi y tế, dân số và gia đình		4,135,448,105	4,135,448,105	
-	Chi văn hóa thông tin		925,251,000	925,251,000	
-	Chi bảo vệ môi trường		120,222,000	120,222,000	
-	Chi các hoạt động kinh tế	3,369,017,900	15,602,282,300	12,233,264,400	463.11
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		341,612,000	341,612,000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			0	
II	Chi thường xuyên	77,093,000,000	107,392,075,067	30,299,075,067	139.30
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	50,297,000,000	52,928,550,000	2,631,550,000	105.23
-	Chi quốc phòng	1,002,000,000	1,522,229,095	520,229,095	151.92
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1,985,260,000	1,936,090,950	-49,169,050	97.52
-	Chi y tế, dân số và gia đình	189,105,000	1,556,452,376	1,367,347,376	823.06
-	Chi văn hóa thông tin	269,000,000	440,875,600	171,875,600	163.89
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	155,906,000	392,378,200	236,472,200	251.68
-	Chi thể dục thể thao	18,200,000	62,600,000	44,400,000	343.96
-	Chi bảo vệ môi trường	273,268,000	752,844,430	479,576,430	275.5
-	Chi các hoạt động kinh tế	706,900,000	2,111,079,111	1,404,179,111	298.64
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	19,451,661,000	31,702,065,306	12,250,404,306	162.98
-	Chi bảo đảm xã hội	2,684,700,000	13,986,909,999	11,302,209,999	520.99
-	Chi thường xuyên khác	60,000,000		-60,000,000	0
III	Dự phòng ngân sách	691,000,000		-691,000,000	
B	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		395,584,000	395,584,000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN		9,630,235,021	9,630,235,021	